

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /SKHCN-KH&ĐMST

V/v đề nghị báo cáo kết quả khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi
số 9 tháng đầu năm 2025 để phục vụ phiên
họp thứ II của Ban chỉ đạo của UBND tỉnh
Quảng Ngãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc Thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 18/QĐ-BCĐ ngày 26/8/2025 của Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Đề kịp thời tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo UBND tỉnh phục vụ phiên họp thứ II của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị (*có đề cương báo cáo kèm theo*).

Báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào lúc **14 giờ 00 phút ngày 22/9/2025** để tổng hợp, hoàn thiện, trình Ban Chỉ đạo UBND tỉnh theo quy định. Trường hợp đến thời gian quy định nêu trên, các cơ quan, đơn vị không báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chịu trách nhiệm giải trình với Trưởng Ban Chỉ đạo UBND tỉnh về nội dung thuộc thẩm quyền của đơn vị.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị quý cơ quan, đơn vị quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- BCĐ UBND tỉnh - Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 31/7/2025;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH&ĐMST_{NVH}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Hiếu

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2025 - Phục vụ phiên họp thứ II của

Ban chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Công văn số /SKHCN-KH&ĐMST ngày /9/2025
của Sở Khoa học và Công nghệ)*

I. Kết quả công tác về khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Công tác tổ chức quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị về nhận thức đầy đủ tầm quan trọng các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Công tác tham mưu, ban hành các văn bản, kiện toàn đầu mối chuyên trách, xây dựng kế hoạch, chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (*theo Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh*)

- Sự chủ động, tiên phong trong triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Cụ thể hóa nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị.

- Phát động phong trào thi đua về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của đơn vị.

2. Kết quả về hoạt động khoa học, công nghệ

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*Báo cáo cụ thể từng chỉ tiêu đạt được, mức độ hoàn thành, có số liệu minh chứng rõ ràng*).

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh (*Báo cáo cụ thể từng chỉ tiêu đạt được, mức độ hoàn thành, có số liệu minh chứng rõ ràng*).

- Kết quả thực hiện Thông báo số 309/TB-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh về Kết luận Phiên họp lần thứ 1 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; triển khai Đề án 06 và công tác Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sự tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Kết quả hợp tác, liên kết vùng trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị.

3. Kết quả về hoạt động Đổi mới sáng tạo

- Công tác triển khai Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 20/6/2025 tổ chức Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.
- Công tác Truyền thông chương trình ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.
- Triển khai tuần lễ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi;

II. Kết quả công tác chuyển đổi số

1. Thể chế số

- Kết quả ban hành các kế hoạch, chương trình về chuyển đổi số của đơn vị, địa phương
- Kết quả ban hành các văn bản chuyên đề về chuyển đổi số để triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh và văn bản của các sở, ban, ngành liên quan.

2. Chính quyền số

- Kết quả triển khai sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin báo cáo; Cổng/trang thông tin điện tử...
- Kết quả triển khai sử dụng chữ ký số, ký số trên môi trường mạng
- Kết quả đầu tư, trang thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước.
- Kết quả triển khai sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các sở, ban ngành triển khai.
- Đối với cấp sở, ngành báo cáo kết quả triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do đơn vị đã triển khai và được giao chủ trì triển khai (*bao gồm các nhiệm vụ kết nối, liên thông dữ liệu lên LGSP, NDXP theo yêu cầu của tỉnh, bộ ngành trung ương*).
- Kết quả về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.
- Kết quả các hoạt động chính quyền số khác thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

3. Kinh tế số

- Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của tổ chức và cá nhân thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương (giá trị tăng trưởng nếu có).
- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, hóa đơn điện tử, du lịch số, ...
- Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định (đối với các địa phương)

- Kết quả các hoạt động kinh tế số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

4. Xã hội số

- Kết quả triển khai phong trào Bình dân học vụ số; công tác tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân (*bao gồm kết quả triển khai tham gia tập huấn trên các nền tảng trực tuyến*);

- Triển khai thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp; kết quả triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp (*đối với các địa phương*).

- Triển khai cài đặt sử dụng ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ người dân và doanh nghiệp (C-Quangngai); Ứng dụng VNeID; sổ sức khỏe điện tử;

- Kết quả các hoạt động xã hội số khác thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

III. Thuận lợi, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

1. Thuận lợi

.....

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo, nhận thức của công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; Nguồn nhân lực có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật.

- Hạ tầng, điều kiện thực tiễn về khoa học – công nghệ của đơn vị.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số của đơn vị để đáp ứng yêu cầu chất lượng chuyên môn.

.....

3. Giải pháp

.....

IV. Nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm

.....

V. Đề xuất, kiến nghị

.....